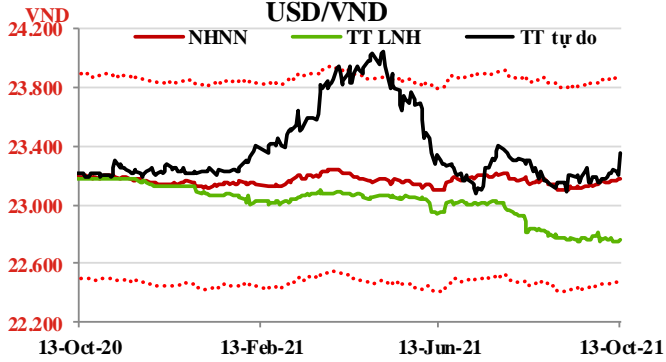


Tin trong nước ngày 13/10

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.181 VND/USD, tiếp tục tăng 07 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.750 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.826 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.760 VND/USD, tăng tiếp 04 đồng so với phiên 12/10. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 10 đồng ở chiều mua vào trong khi giữ nguyên ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.280 - 23.350 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi đi ngang ở kỳ hạn 2W và giảm 0,03 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,70%; 1W 0,82%; 2W 0,90 và 1M 1,14%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,18%; 2W 0,23%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 3Y, cụ thể: 3Y 0,79%; 5Y 0,91%; 7Y 1,25%; 10Y 2,15%; 15Y 2,41%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 13/10, KBNN huy động thành công 2.233/7.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 30%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm và 7 năm đấu thầu thất bại, kỳ hạn 10 năm huy động thành công 1.600/2.500 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 60/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động 573/1.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,14%/năm (+0,01%); kỳ hạn 15 năm giữ nguyên tại 2,37%/năm và kỳ hạn 20 năm giữ nguyên tại 2,8%/năm.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, các chỉ số đi ngang, không có nhiều đột biến. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 2,89 điểm (-0,21%) xuống 1.391,91 điểm; HNX-Index tăng 3,66 điểm (+0,97%) lên 379,34 điểm; UPCoM-Index giảm 0,03 điểm (-0,03%) xuống 98,78 điểm. Thanh khoản thị trường giảm sút so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 22.200 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng gần 511 tỷ VND trên cả ba sàn.
- Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF hạ dự báo triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2021.** Cụ thể, tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam được IMF dự báo chỉ đạt 3,8%, giảm mạnh từ mức tăng 6,3% trong dự báo hồi tháng 4. Tăng trưởng GDP năm 2022 cũng được dự báo hạ xuống mức tăng 6,6% từ dự báo ở mức 7,2%. Trong khi đó, chỉ số giá tiêu dùng CPI 2021 và 2022 được dự báo lần lượt ở mức 2,0% yoy và 2,3% yoy, đều giảm từ mức 3,9% trong báo cáo trước đó. Tỷ lệ thất nghiệp 2021 và 2022 được kỳ vọng đạt thấp ở mức 2,7% và 2,4%, giảm tích cực từ mức 3,3% của năm 2020.



Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.70	0.02	0.15	0.00	3Y	0.79	0.010
1W	0.82	0.02	0.18	0.00	5Y	0.91	-0.013
2W	0.90	0.00	0.23	0.01	7Y	1.25	-0.008
1M	1.14	-0.03	0.33	0.02	10Y	2.15	-0.003
2M	1.46	-0.01	0.40	0.00	15Y	2.41	-0.005
3M	1.60	0.02	0.49	-0.02			
6M	1.79	-0.07	0.74	-0.04			
9M	2.39	-0.06	1.14	0.00			
1Y	2.89	-0.15	1.22	0.02			

Nguồn: Reuters

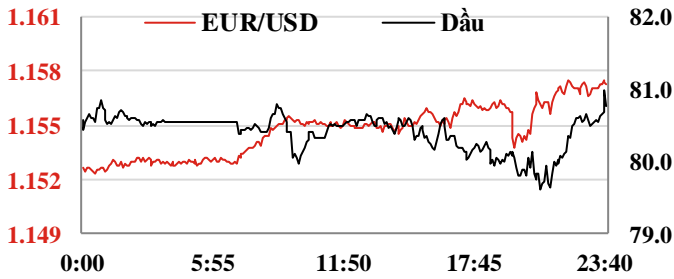
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
13-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
12-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
11-10-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

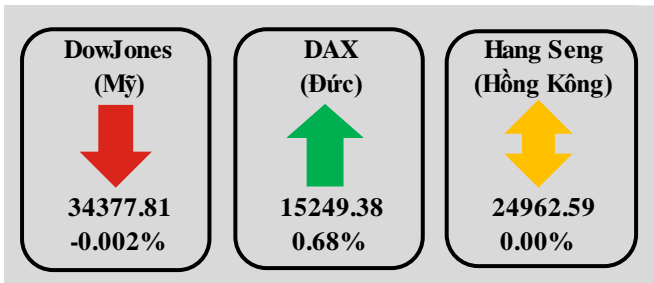
Thị trường TPCP sơ cấp

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	13-Oct-21	5	1000	0	0.00%	0.00%
MOF	13-Oct-21	7	1000	0	0.00%	0.00%
MOF	13-Oct-21	10	2500	1600	2.14%	0.01%
MOF	13-Oct-21	15	2000	60	2.37%	0.00%
MOF	13-Oct-21	20	1000	573	2.80%	0.00%
Tổng			7500	2233		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1391.91	379.34	98.78
%/ngày	-0.21%	0.97%	-0.03%
%/31/12/2020	26.09%	86.8%	32.7%
KLGD (tr.đ.vị)	645.35	90.73	70.3
GTGD (tỷ đ)	18788.48	1883.97	1522.86
NDINN mua (tỷ đ)	994.52	30.95	0.52
NDINN bán (tỷ đ)	1515.00	21.47	0.46



	13 Oct 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	94.08	-0.46%	-0.20%	4.61%
USD/CNY	6.43	-0.35%	-0.29%	-1.51%
USD/EUR	0.86	-0.56%	-0.31%	5.36%
USD/JPY	113.23	-0.33%	1.63%	9.68%
USD/KRW	1186.18	-0.93%	-0.34%	9.38%
USD/SGD	1.35	-0.39%	-0.51%	2.32%
USD/TWD	28.04	-0.33%	0.24%	-0.12%
USD/THB	33.19	-0.42%	-1.83%	10.49%
USD/VND Trung tâm	23181	0.03%	0.10%	0.22%
USD/VND LNH	22760	0.02%	-0.01%	-1.42%
USD/VND tự do	23270	0.00%	0.52%	-0.13%
Vàng	1792.65	1.86%	1.71%	-5.48%
Dầu	80.44	-0.25%	3.89%	65.79%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0736	-0.0004		
SW	0.0726	-0.0023		
1M	0.0903	0.0024	0.2650	0.0000
2M	0.1025	0.0000		
3M	0.1238	-0.0030	0.4346	0.0000
6M	0.1568	-0.0004	0.5911	0.0000
1Y	0.2658	0.0044	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 12/10/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	02/11/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	28/10/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	04/11/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/10/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	02/11/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

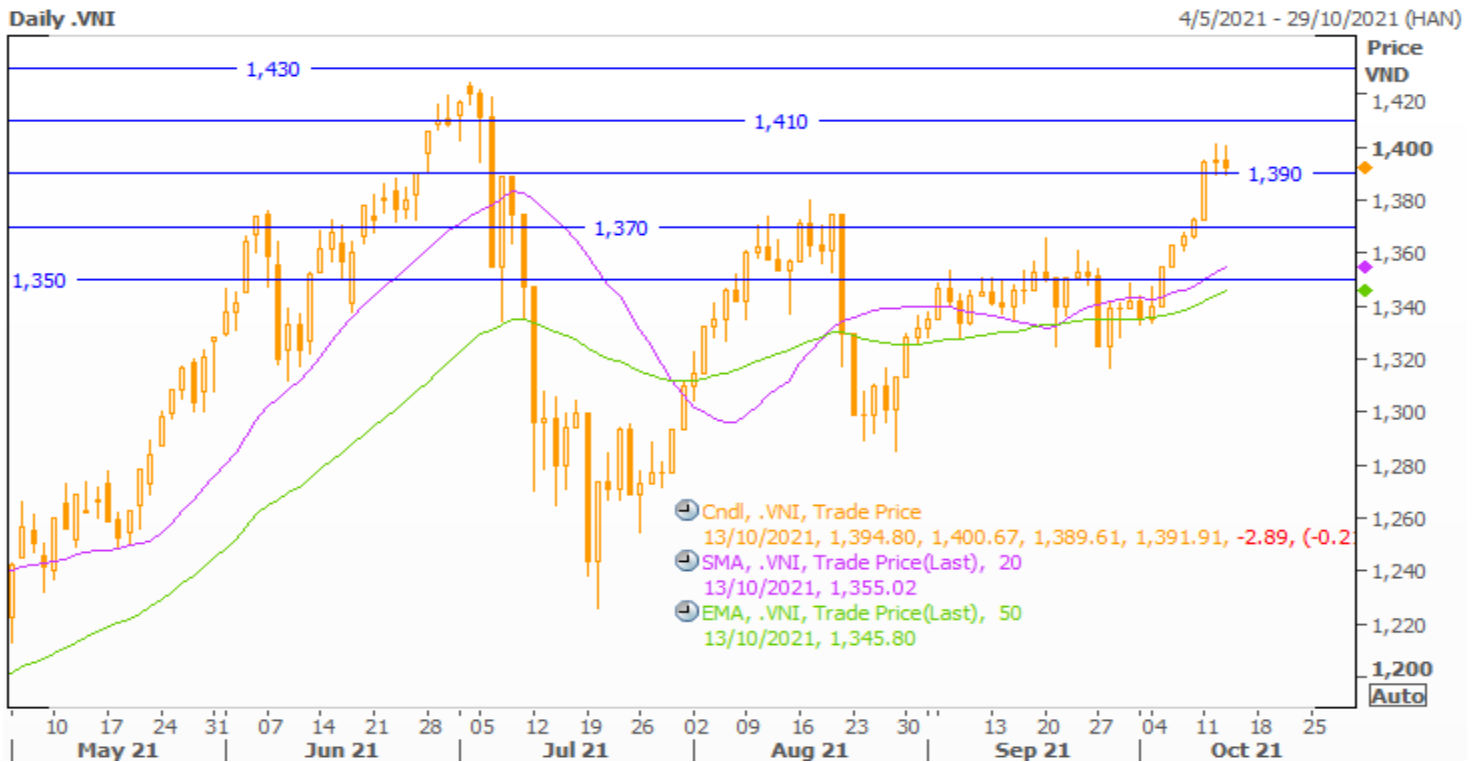
Tin quốc tế

- Biên bản cuộc họp tháng 9 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed vừa công bố cho thấy các quan chức Fed nhất trí việc chuẩn bị công bố giảm chương trình mua tài sản trong phiên họp tháng 11 tới, tuy nhiên chưa thống nhất về thời điểm tăng lãi suất chính sách trong bối cảnh lạm phát tăng cao.** Cụ thể, đa số quan chức Fed thống nhất rằng nên giảm mua TPCP Mỹ 10 tỷ USD mỗi tháng và chứng khoán có bảo đảm 5 tỷ mỗi tháng từ tháng 11 hoặc tháng 12, trong khi số còn lại cho rằng nên cắt giảm với tốc độ nhanh hơn. Khi đó, chương trình mua tài sản này sẽ kết thúc vào khoảng giữa 2022. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách chưa thống nhất về thời điểm nâng LSCS. Biên bản cho thấy một số quan chức Fed cho rằng lãi suất cần phải được tăng trong năm sau khi lạm phát có thể sẽ tiếp tục tăng vào năm 2022 thông qua kỳ vọng lạm phát hoặc rộng hơn là vào giá cả. Ngược lại, một số quan chức vẫn cho rằng lãi suất nên duy trì ở mức hoặc gần bằng 0 trong một vài năm tới, cảnh báo rằng các xu hướng dài hạn đã kéo lạm phát xuống trước khi đại dịch sẽ trở lại, áp lực giá tăng lên là do tắc nghẽn nguồn cung liên quan đến đại dịch có thể sẽ giảm bớt.
- Lạm phát của nước Mỹ tiếp tục tăng mạnh trong tháng 9.** Văn phòng Thống kê Lao động Mỹ cho biết CPI toàn phần và CPI lõi của nước này lần lượt tăng 0,4% và 0,2% m/m trong tháng vừa qua, nối tiếp đà tăng 0,3% và 0,1% của tháng trước đó, đồng thời vượt qua mức tăng 0,3% và 0,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2020, CPI toàn phần của nước Mỹ tăng 5,4% trong tháng 9, cao hơn so với mức 5,3% của tháng 8. Một số chuyên gia nhận định nguyên nhân chính khiến CPI tiếp tục tăng mạnh chủ yếu do giá nhiên liệu và tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong bối cảnh các quốc gia Châu Á phải đóng cửa do dịch bệnh dẫn đến tắc nghẽn chuỗi cung ứng.
- Nước Anh ghi nhận một số thông tin kinh tế tích cực.** Đầu tiên, GDP của Anh tăng 0,4% m/m trong tháng 8 sau khi giảm 0,1% ở tháng trước đó, chỉ thấp hơn một chút so với mức tăng 0,5% theo kỳ vọng. Như vậy, GDP của nước này chỉ còn thấp hơn khoảng 0,8% so với tháng 02/2020 (tháng trước khi bị tác động bởi dịch bệnh). Tiếp theo, sản lượng công nghiệp của nước Anh trong tháng vừa qua cho thấy mức tăng 0,8% m/m, mạnh hơn mức tăng 0,3% của tháng 7, đồng thời mạnh hơn mức tăng 0,2% theo dự báo. Hãng Financial Times nhận định, kinh tế Anh vẫn đang chứng minh được sức hồi phục hàng đầu thế giới. Mặc dù vậy, đây cũng là một thách thức đối với NHTW Anh BOE nếu muốn duy trì đà tăng trưởng nhưng vẫn đảm bảo lạm phát trong tầm kiểm soát.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
13-10	6:50	*	Giá trị đơn đặt hàng máy móc lõi Nhật Bản mm T8	-2.4	1.6	0.9
13-10	13:00	*	CPI chính thức của Đức mm T9	0.0	0.0	0.0
13-10	13:00	*	GDP nước Anh mm T8	0.4	0.5	-0.1
13-10	13:00	*	Sản lượng công nghiệp Anh mm T8	0.8	0.2	0.3
13-10	19:30	***	CPI Mỹ mm T9	0.4	0.3	0.3
13-10	19:30	***	CPI lõi Mỹ mm T9	0.2	0.2	0.1
14-10	1:00	***	Biên bản cuộc họp tháng 9 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ			
14-10	7:30	***	Số thay đổi việc làm tại Úc T9	-108.5K	-146.3K	
14-10	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T9	4.8	4.5	
14-10	19:30	***	PPI Mỹ mm T9	0.6	0.7	
14-10	19:30	**	PPI lõi Mỹ mm T9	0.5	0.6	
14-10	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we	315K	326K	

VN-INDEX



VN-Index hạ nhẹ xuống mức 1391,91 điểm. Tuy giảm nhẹ nhưng VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm, nên cơ hội để tiếp tục đi lên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm trong đợt này vẫn còn.

Nguưỡng hỗ trợ: 1.370 – 1.350

Nguưỡng kháng cự: 1.410 – 1.430

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn